

Bản án số: 24/2024/HS-ST
Ngày 19-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Ngọc Sinh.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Gia Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự thụ lý số 20/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn D, sinh ngày 9 tháng 11 năm 1988; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị M; vợ là Hà Thị Minh N và 03 con: con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 25/02/2024 đến 27/02/2024 chuyển tạm giam và được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh từ ngày 13/03/2024. Có mặt.

2. Chu Đình K; sinh ngày 14 tháng 4 năm 1979 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Đình B và bà Phan Thị Đ; vợ là Nguyễn Thị H và 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 25/02/2024 đến ngày 27/02/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

3. Nguyễn Văn D; sinh ngày 6 tháng 12 năm 1989 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Q, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 25/02/2024 đến ngày 27/02/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

4. Bùi Văn B; sinh ngày 16 tháng 5 năm 1976 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Q, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị X (đã chết); đã ly hôn và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 25/02/2024 đến ngày 27/02/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

5. Nguyễn Văn C; sinh ngày 27 tháng 9 năm 1982 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Q, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị T; đã ly hôn và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 25/02/2024 đến ngày 27/02/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

6. Nguyễn Văn H; sinh ngày 18 tháng 3 năm 1975 tại thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn Q, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị T, có vợ là Phạm Thị T và 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 25/02/2024 đến ngày 27/02/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

7. Nguyễn Văn D; sinh ngày 28 tháng 02 năm 1990; nơi cư trú: Thôn Q, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T; vợ là Nguyễn Thị Y và 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 25/02/2024 đến ngày 27/02/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

8. Nguyễn Văn S; sinh ngày 02 tháng 9 năm 1976 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Q, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S1 và bà Nguyễn Thị T; vợ là Đoàn Thị V và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 25/02/2024 đến ngày 27/02/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Lê Văn C, anh Nguyễn Văn T, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 24-02-2024, Bùi Văn D, Chu Đình K, Nguyễn Văn D, Bùi Văn B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn S đều đến nhà anh Nguyễn Văn T2 ở thôn Q, xã B, huyện A để ăn cỗ đám cưới. Sau khi ăn xong, đi qua nhà anh Nguyễn Văn H ở bên cạnh, thấy tại phòng khách có một số người đang đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức “xóc đĩa”, nên đã tham gia chơi cùng. Thấy nhóm đang chơi cãi nhau, nên Bùi Văn D đã trực tiếp vào “xóc cái”. Hình thức chơi “xóc đĩa” là người “xóc cái” dùng 01 bát sứ úp lên đĩa sứ bên trong có 04 quân vị hình tròn có hai mặt khác màu nhau rồi xóc lên. Người chơi đặt theo cửa chẵn hoặc lẻ, khi mở bát ra, nếu cả 04 quân vị cùng màu hoặc 02 quân vị cùng màu thì người nào đặt cửa chẵn sẽ thắng, nếu mở bát ra có 03 quân vị cùng màu khác với quân vị còn loại thì người nào đặt cửa lẻ sẽ thắng và được tiền của người xóc cái với tỉ lệ được thua là 1:1, cược thấp nhất là 50.000 đồng và cao nhất là 200.000 đồng. Trong quá trình chơi không có ai thu tiền hồ, không có ai cảnh giới hay cho vay nặng lãi. Khi tham gia đánh bạc, Bùi Văn D có 900.000 đồng nhưng dùng 700.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Văn D có 1.800.000 đồng nhưng dùng 1.500.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Văn H có 1.400.000 đồng nhưng dùng 1.200.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Văn S có 1.900.000 đồng nhưng dùng 1.000.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Văn C có 2.100.000 đồng nhưng dùng 1.300.000 đồng để đánh bạc, Chu Đình K có 2.900.000 đồng nhưng dùng 1.600.000 đồng để đánh bạc, Bùi Văn B có 9.010.000 đồng nhưng dùng 1.350.000 đồng để đánh bạc còn Nguyễn Văn D có 1.200.000 đồng để đánh bạc. Còn có một số đối tượng tham gia đánh bạc nhưng đã bỏ về trước đó.

Vào khoảng 20 giờ ngày 24-02-2024, Công an huyện An Lão kết hợp với Công an xã Bát Trang bắt quả tang Bùi Văn D, Chu Đình K, Nguyễn Văn D, Bùi Văn B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn S đang đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh xóc đĩa tại nhà anh Nguyễn Văn H. Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 12.000.000 đồng, 04 quân vị hình tròn, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ màu trắng và 01 chiếu tre.

- Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 02/CT-VKS ngày 21-3-2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng truy tố Bùi Văn D, Chu Đình K, Nguyễn Văn D, Bùi Văn B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn S đều về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

- Tại phiên toà, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp nội dung bản Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thừa nhận việc truy tố, xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội danh. Các bị cáo đều ăn năn hối cải, xin xem xét được hưởng hình phạt không chịu cách ly

ngoài xã hội với lý do đều là lao động chính, rất hối hận vì chưa nêu gương tốt trong gia đình, phạm tội do suy nghĩ đơn giản, bột phát vui chơi sau đám cưới; có nơi cư trú rõ ràng, chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, chính sách, pháp luật; trách nhiệm với gia đình ngoài phạm tội lần này.

- Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn đối với các bị cáo đồng phạm tội về “Đánh bạc” và đề nghị Tòa án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 58, 65 của Bộ luật Hình sự đối với Bùi Văn D, Nguyễn Văn D, Chu Đình K, (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Bùi Văn D)

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 58, 36 của Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Bùi Văn B, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn S (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Văn S)

Tuyên bố: Bùi Văn D, Chu Đình K, Nguyễn Văn D, Bùi Văn B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn S đồng phạm tội “Đánh bạc”.

Đề nghị xử phạt:

1. Bùi Văn D từ 15 tháng đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Chu Đình K từ 15 tháng đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Nguyễn Văn D 12 tháng đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Bùi Văn B từ 21 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho bị cáo 03 ngày tạm giữ tính bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ.

5. Nguyễn Văn C từ 21 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho bị cáo 03 ngày tạm giữ tính bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ.

6. Nguyễn Văn H từ 21 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho bị cáo 03 ngày tạm giữ tính bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ.

7. Nguyễn Văn D từ 21 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho bị cáo 03 ngày tạm giữ tính bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ.

8. Nguyễn Văn S từ 21 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho bị cáo 03 ngày tạm giữ tính bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Bát Trang, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Không tuyên phạt hình phạt bổ sung là tiền đối với các bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập sung quỹ nhà nước đối với Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Bùi Văn B, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn S được hưởng cải tạo không giam giữ, nhưng các

bị cáo này phải thực hiện lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ một ngày và không quá 05 ngày một tuần.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy 04 quân vị hình tròn, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 chiếu tre. Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền đánh bạc của các bị cáo 12.000.000 đồng. Trả lại cho bị cáo, nhưng cần tạm giữ số tiền bảo đảm thi hành án như sau: Bùi Văn D 200.000 đồng, Nguyễn Văn D 300.000 đồng, Nguyễn Văn H 200.000 đồng, Nguyễn Văn S 900.000 đồng, Nguyễn Văn C 800.000 đồng, Chu Đình K 1.300.000 đồng, Bùi Văn B 7.660.000 đồng. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; các bị cáo, người làm chứng cung cấp đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo, người làm chứng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại, nên cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp lời khai của người làm chứng, vật chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 20 giờ ngày 24-02-2024, tại nhà anh Nguyễn Văn H ở thôn Quán Trang, xã Bát Trang, An Lão, Công an huyện An Lão bắt quả tang Bùi Văn D, Chu Đình K, Nguyễn Văn D, Bùi Văn B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn S đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa với số tiền 12.000.000 đồng đồng và 01 bộ bát, đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn. Do vậy, Bùi Văn D, Chu Đình K, Nguyễn Văn D, Bùi Văn B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn S đồng phạm tội “Đánh bạc” quy định theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn xã hội tại địa phương. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm minh để răn đe, trừng trị đối với các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phạm tình tiết quy định tại Điều 52 BLHS.

[5] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bùi Văn D có bố là ông Bùi Văn T được tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất; Nguyễn Văn S tham gia quân đội nhân dân Việt Nam, nên các bị cáo này được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định khoản 2 Điều 51 BLHS.

Về vai trò đồng phạm và quyết định hình phạt:

[6] Các bị cáo cùng phạm tội “Đánh bạc”, nên cần áp dụng các điều 17, 58 BLHS để quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm và phân hóa mức hình phạt theo vai trò, số tiền, số lượt tham gia. Cần đánh giá vai trò của các bị cáo đồng phạm giản đơn, phát sinh từ việc tham gia liên hoan đám cưới, quen biết cùng xã, tham gia đánh bạc số lượt ít, số tiền không lớn. Bùi Văn D tích cực với vai trò "xóc cái", có vai trò cao nhất, nên cần xử phạt hình phạt với mức cao nhất. Chu Đình K, Nguyễn Văn D đánh bạc với số tiền nhiều hơn các bị cáo khác, nên có vai trò ngang nhau, cần xử phạt thấp hơn Bùi Văn D. Bùi Văn B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn S có vai trò lần lượt theo thứ tự từ cao xuống thấp tương ứng số tiền tham gia đánh bạc. Trên cơ sở đánh giá toàn diện tính chất nguy hiểm cho xã hội của đồng phạm; mức độ, vai trò đồng phạm của mỗi bị cáo; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; các bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đang lao động lương thiện, có trách nhiệm với gia đình; chấp hành đúng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, chấp hành chính sách, pháp luật tại địa phương, có nơi cư trú rõ ràng. Cần chấp nhận quan điểm của Viện Kiểm sát về việc các bị cáo Bùi Văn D, Chu Đình K, Nguyễn Văn D được hưởng án treo, thỏa mãn điều kiện áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, bảo đảm quy định Điều 65 BLHS; bảo đảm tính nghiêm minh, giáo dục các bị cáo tiếp tục lao động, sinh sống lương thiện trong sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình. Cần chấp nhận quan điểm của Viện Kiểm sát về việc Bùi Văn B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn S có vai trò đồng phạm thấp hơn, được hưởng cải tạo không giam giữ, bảo đảm quy định Điều 36 BLHS.

[7] Các bị cáo lao động tự do hoặc trồng trọt, thu nhập không ổn định, số tiền tạm giữ ít, còn số tiền tạm giữ 7.660.000 đồng của Bùi Văn B sử dụng vào việc trồng trọt trong gia đình. Cần chấp nhận quan điểm của Viện Kiểm sát không cần phạt tiền đối với các bị cáo; miễn khấu trừ thu nhập sung quỹ nhà nước đối với bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Bùi Văn B, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn S được hưởng cải tạo không giam giữ; trả lại số tiền tạm giữ không liên quan phạm tội cho các bị cáo.

[8] Về vật chứng: Cần tịch thu tiêu hủy đối với vật chứng mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội gồm: 04 quân vị hình tròn, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 chiếu tre. Cần tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với số tiền 12.000.000 đồng mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội. Cần trả lại cho các bị cáo số tiền không dùng vào phạm tội, nhưng tạm giữ bảo đảm thi hành án; cụ thể như sau: Bùi Văn D có 900.000 đồng nhưng dùng 700.000 đồng để đánh bạc, nên cần trả lại 200.000 đồng. Nguyễn Văn D có 1.800.000 đồng nhưng dùng 1.500.000 đồng để đánh bạc, nên cần trả lại 300.000 đồng. Nguyễn Văn H có 1.400.000 đồng nhưng dùng 1.200.000 đồng để đánh bạc, nên cần trả lại 200.000 đồng. Nguyễn Văn S có 1.900.000 đồng nhưng dùng 1.000.000 đồng để đánh bạc, nên cần trả lại 900.000 đồng. Nguyễn Văn C có 2.100.000 đồng nhưng dùng 1.300.000 đồng để đánh bạc, nên cần trả lại 800.000 đồng. Chu Đình K có 2.900.000 đồng nhưng dùng 1.600.000 đồng để đánh bạc, nên cần trả lại 1.300.000 đồng. Bùi Văn B có 9.010.000 đồng nhưng dùng 1.350.000 đồng, nên cần trả lại 7.660.000 đồng.

[9] Do chưa làm rõ đối với một số đối tượng tham gia đánh bạc nhưng bỏ về trước khi bắt người phạm tội quả tang, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa đủ căn cứ xử lý. Kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện An Lão tiếp tục điều tra, làm rõ các đối tượng này tránh bỏ lọt tội phạm và người phạm tội.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 58, 65 của Bộ luật Hình sự đối với Bùi Văn D, Chu Đình K, Nguyễn Văn D, (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Bùi Văn D)

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 58, 36 của Bộ luật Hình sự đối với Bùi Văn B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn S (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Văn S)

Tuyên bố: Bùi Văn D, Chu Đình K, Nguyễn Văn D, Bùi Văn B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn S đồng phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt:

1. Bùi Văn D 18 (mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Chu Đình K 15 (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Nguyễn Văn D 15 (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo được hưởng án treo cho Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của các bị cáo được hưởng án treo giám sát, giáo dục các bị cáo này trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo được hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Bùi Văn B 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ 03 ngày tạm giữ tính bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ (cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ), nên bị cáo phải chấp hành 23 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Bát Trang, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng nhận được bản án và quyết định thi hành án.

5. Nguyễn Văn C 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ 03 ngày tạm giữ tính bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ (cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ), nên bị cáo phải chấp hành 23 tháng

21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Bát Trang, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng nhận được bản án và quyết định thi hành án.

6. Nguyễn Văn H 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ 03 ngày tạm giữ tính bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ (cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ), nên bị cáo phải chấp hành 23 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Bát Trang, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng nhận được bản án và quyết định thi hành án.

7. Nguyễn Văn D 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ 03 ngày tạm giữ tính bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ (cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ), nên bị cáo phải chấp hành 23 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Bát Trang, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng nhận được bản án và quyết định thi hành án.

8. Nguyễn Văn S 21 (hai mươi một) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ 03 ngày tạm giữ tính bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ (cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ), nên bị cáo phải chấp hành 20 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Bát Trang, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập sung quỹ nhà nước đối với bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Bùi Văn B, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn S được hưởng cải tạo không giam giữ. Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Bùi Văn B, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn S phải thực hiện lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ một ngày và không quá 05 ngày một tuần.

Căn cứ Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” đối với Bùi Văn D và hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với Nguyễn Văn D, Chu Đình K, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Bùi Văn B, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn S.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định:

Tịch thu tiêu hủy 04 quân vị hình tròn, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 chiếu tre (theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21 tháng 3 năm 2024 giữa Công an huyện An Lão với Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng)

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) (theo Ủy nhiệm chi ngày 21 tháng 3 năm 2024 tại Kho bạc Nhà nước huyện An Lão).

Trả lại cho các bị cáo, nhưng cần tạm giữ số tiền này bảo đảm thi hành án như sau: Trả lại Bùi Văn D 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng); trả lại Nguyễn Văn D 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); trả lại Nguyễn Văn H 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng); trả lại Nguyễn Văn S 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng); trả lại Nguyễn Văn C 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng); trả lại Chu Đình K 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng); trả lại Bùi Văn B 7.660.000 đồng (bảy triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) (theo Ủy nhiệm chi ngày 21 tháng 3 năm 2024 tại Kho bạc Nhà nước huyện An Lão).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hải Phòng;
- VKSND Thành phố Hải Phòng;
- Phòng PC 10 CAThành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp Thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Công an huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Bị cáo;
- UBND xã nơi cư trú của bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Sinh